

QUY TRÌNH TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM AMNOTE

AMNOTE PRODUCT PRICE CALCULATION PROCESS

AMNOTE 상품 가격 계산 프로세스

Bước 1: Khai báo đối tượng tập hợp chi phí. Có 2 cách tạo:

Step 1: Declare cost object. There are 2 ways to create:

1: 원가대상 설정. 2가지의 설정방법이 있습니다.

Lưu ý: Mỗi Thành phẩm tương ứng với một đối tượng tập hợp chi phí >> Có thể tạo đối tượng con theo công trình, đơn hàng.

Notice: Each finished product is corresponded to a set of cost objects >> You can create sub-objects according to works or orders.

주의: 각 완제품은 원가대상 개체들의 집합에 해당합니다. >> 작업이나 주문에 따라 하위 개체를 작성할 수 있습니다.

Cách 1: Vào trực tiếp menu B [Quản lý dữ liệu cơ bản] - C [Đối tượng tập hợp chi phí]

Way 1: Go directly to menu B [Basic data management] - C [Object name of cost]

방법 1: 메뉴 B[기초정보관리] - C[원가대상관리] 에서 직접 입력

Mã đối tượng tập hợp chi phí	Đối tượng tập hợp chi phí...	Đối tượng tập hợp chi phí...	Đối tượng tập hợp chi phí...	Đối tượng tập hợp chi phí...
1	1	1	1	
	판매부	Seller	Bán hàng	
Cuong	Cuong	Cuong	Cuong	
	관리부2	Administration	Hành chính	
HTMH			HIENHOANG	
HTNM		MS MAI	HUYNH THI NGOC MAI	
HTNM1		MS MAI 1	HUYNH THI NGOC MAI 1	
	구매부	Buyer	Mua hàng	
NEMCS			NEM CAO SU	
NEMCSN			NEM CAO SU NON	
NEMLX			NEM LÔ XO	
NT001			NHI TEST 001	
NT002			NHI TEST 002	
	관리부	Manager	Quản Lý	
2121	1팀	team no.1	team so.1	
	2팀	team no.2	team so.2	
	3팀	team no.3	team so.3	
	4팀	team no.4	team so.4	
	5팀	team no.5	team so.5	

Cách 2: Thêm mới nhiều đối tượng tập hợp chi phí bằng excel file tại menu A [Tập tin]
– A [Tải]

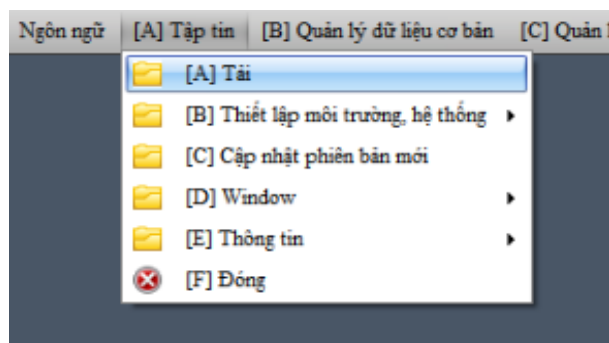
Way 2: Add several new cost objects by excel file in menu A [File] - A [Import]

방법2: 메뉴 [A-A] 가져오기를 통해 EXCEL 파일을 이용하여 원가대상 개체를 추가

- Vào menu [A-A] Tải => Xuất file [B-C] **Đối tượng tập hợp chi phí** >> Để tạo mã mới cho đối tượng thành phẩm.

Go to menu [A – A] Import => Export file [B-C] Object name of cost >> To generate new code for finished object.

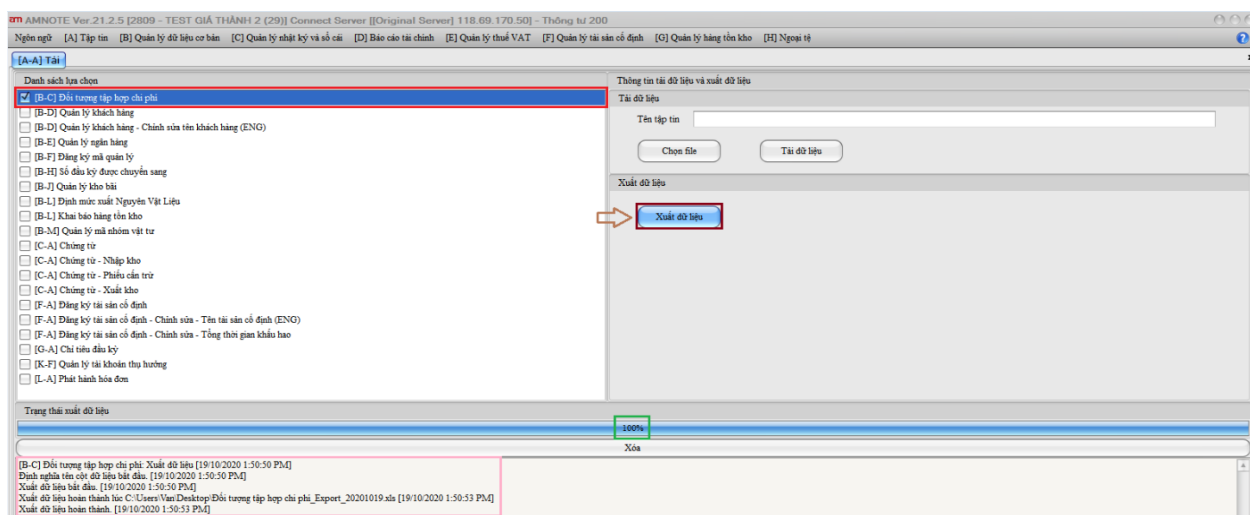
[A-A]가져오기 => [B-C]원가대상관리 내보내기 => 완제품에 대해 새로운 코드를 생성합니다.



- Tích chọn ô [B-C] **Đối tượng tập hợp chi phí** >> Nhấn “**Xuất dữ liệu**” => Chọn vị trí lưu file mẫu và chờ thanh Trạng thái dữ liệu hiển thị 100% là đã export file mẫu thành công. (Trường hợp gặp vấn đề => Lỗi sẽ hiển thị ở phía bên dưới, người dùng liên hệ AMnote 028 6656 4400 để được hỗ trợ).

Check box [B-C] Object name of cost >> Click "Export" => Select location to save the template file and wait for the Data Status bar to display 100% as the sample file has been exported successfully. (In case of problems => Error will appear below, users please contact AMnote 028 6656 4400 for support).

[B-C] 원가대상관리 체크 후 내보내기 => 샘플 파일을 성공적으로 내보내면 저장할 위치를 선택하고 데이터 상태 표시줄이 100%가 될때까지 기다립니다.(만약 내보내기 중 에러 발생시, 028 6656 4400에 문의하여 지원을 받으십시오.)



- Mở file mẫu đã xuất từ phần mềm và tiến hành nhập liệu tạo mã đối tượng tập hợp chi phí. Tại dòng số 2 của file => Người dùng Insert thêm số dòng mà người dùng muốn nhập liệu. Sau khi Insert xong, tiến hành thao tác nhập thông tin mã đối tượng chi phí.

Open the sample file exported from the software and input data to create code for cost object. In line 2 of the file => Insert the number of lines that user wants to input. After Insert is complete, next enter the cost object code information.

소프트웨어에서 내보내진 샘플 파일을 열고 데이터를 입력하여 비용 개체에 대한 코드를 생성하세요. 2번째 줄에 사용자가 입력하려는 만큼의 줄을 추가하고 해당 줄에 비용 개체 코드 정보를 입력합니다.

Lưu ý: Các cột có phần giải thích bên dưới, người dùng chỉ cần điền thông tin phía trước dấu ngoặc (Ví dụ: Cột “Thành phẩm” chỉ cần điền mã DC67-00560A nếu là “Thiết bị cân bằng tải trọng”,...)

Notice: Each column has explanations below, user only needs to fill in information in front of brackets (For example: Column “Finished product” just need to enter code DC67-00560A if it is “Load balancing device”,...)

주의: 각 열에는 아래에 설명이 있으며, 사용자는 괄호 앞에 정보만 입력하면 됩니다. (예시: “Thành phẩm(완제품)”열인 경우 괄호 앞 설명인 코드 DC67-00560A만 입력하면 됩니다.)

	A	B	C	D	E	F	G	H	I
1	Mã đối tượng tập hợp chi phí	Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tiếng Hàn Quốc	Thành phẩm				
2	Mã đối tượng tập hợp chi phí: Giải thích tài dữ liệu	Tiếng Việt: Giải thích tài dữ liệu	Tiếng Anh: Giải thích tài dữ liệu	Tiếng Hàn Quốc: Giải thích tài dữ liệu	Thành phẩm: Giải thích tài dữ liệu				
3					DC67-00560A (Thiết bị cân bằng tải trọng)				
4					DC67-00649A (Thiết bị cân bằng tải trọng)				
5					DC67-00749A (Thiết bị cân bằng tải trọng)				
6					DC67-00839A (Thiết bị cân bằng tải trọng)				
7					DC67-00870A (Thiết bị cân bằng tải trọng)				
8					DC67-00870B (Thiết bị cân bằng tải trọng)				
9					DC67-00839B (Thiết bị cân bằng tải trọng)				
10					DC67-00871A (Thiết bị cân bằng tải trọng)				
11					DC67-00871B (Thiết bị cân bằng tải trọng)				
12					DC67-00869A (Thiết bị cân bằng tải trọng)				
13					DC67-00964A (Thiết bị cân bằng tải trọng)				
14					DC67-00967A (Thiết bị cân bằng tải trọng)				
15					DC67-00968A (Thiết bị cân bằng tải trọng)				
16									

- Hoàn thành file Đối tượng tập hợp chi phí => Chừa trống 1 dòng giữa phần nhập liệu và phần giải thích phía dưới. Người dùng không nên xóa phần giải thích để dễ kiểm tra khi có lỗi phát sinh.

Complete the cost object file => Leave a blank line between the input and below explanation. Users should not delete explanation for easy check-up when errors arise.

파일 작성 완료 => 추가 입력한 부분과 아래 설명 사이에 한 줄의 공백을 두십시오. 오류가 발생했을 때 쉽게 확인 가능하도록 설명을 삭제해서는 안됩니다.

- Sau đó quay lại menu **[A-A] Tải**

Then go back to the [A-A] Import menu

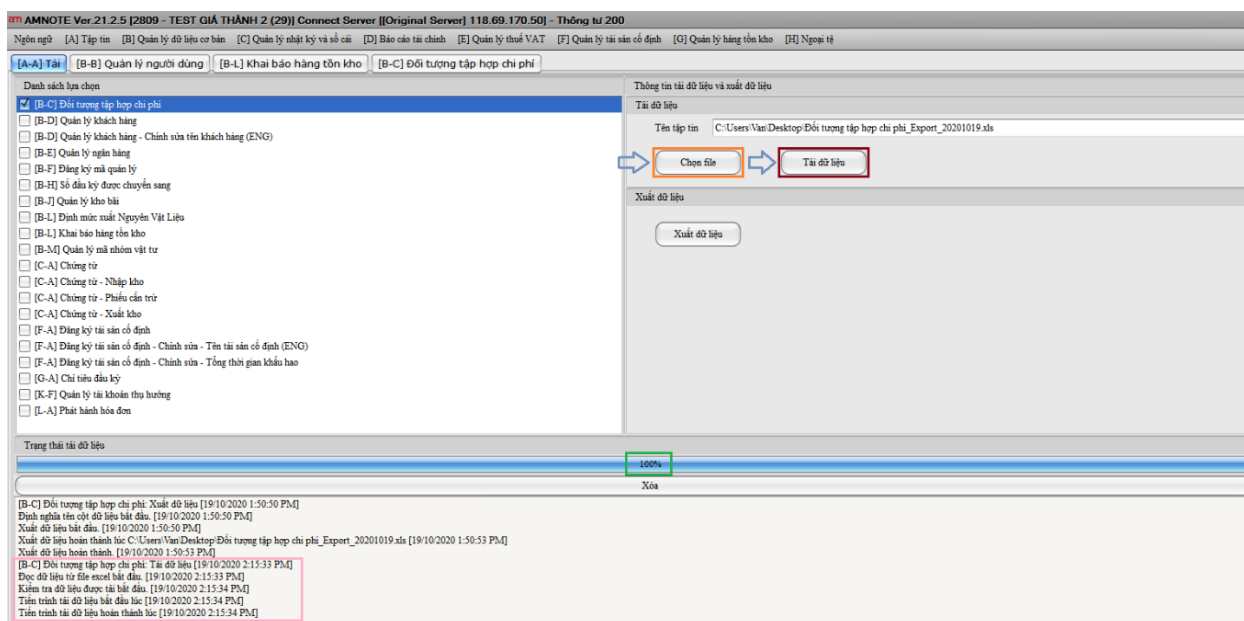
그다음 다시 [A-A] 메뉴로 돌아가십시오.

	A	B	C	D	E	F	G	H	I
1	Mã đối tượng tập hợp chi phí	Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tiếng Hàn Quốc	Thành phẩm				
2	NEMCSN	NẼM CAO SU NON			NEMCS				
3	NEMLX	NẼM LỖ XO			NEMCS				
4									
5	Mã đối tượng tập hợp chi phí: Giải thích tài dữ liệu	Tiếng Việt: Giải thích tài dữ liệu	Tiếng Anh: Giải thích tài dữ liệu	Tiếng Hàn Quốc: Giải thích tài dữ liệu	Thành phẩm: Giải thích tài dữ liệu				
6					DC67-00560A (Thiết bị cân bằng tải trọng)				
7					DC67-00649A (Thiết bị cân bằng tải trọng)				

- Tiến hành import vào phần mềm. Người dùng tích chọn vào ô **[B-C] Đối tượng tập hợp chi phí** >> Nhấn **“Chọn file”** để tải file lên => Nhấn **“Tải dữ liệu”**.

Import into the software. User tick the box [B-C] Object name of cost >> Click “Browse” to upload file => Click “Import”.

파일을 프로그램으로 다시 가져오세요. [B-C] 원가 대상 관리를 체크하세요. 파일을 업로드하려면 “파일 선택”을 클릭하세요 => “데이터 업로드”를 클릭하세요.



- Sau khi tải hoàn thành, thanh trạng thái sẽ hiển thị 100%. Nếu file excel có lỗi => Sẽ không tải lên được => Người dùng lỗi hiển thị phía dưới và điều chỉnh lại file excel => Sau đó tiến hành đẩy lại vào phần mềm.

Once the download is completed, the status bar will show 100%. If the excel file has an error => Cannot be uploaded => The user checks the error below and corrects the excel file => Then upload again into the software.

완료되면 상태 표시 바에 100%가 표시됩니다. 만약 엑셀 파일에 오류가 있을 시 업로드 되지 않습니다. => 오류 시 표시 바 밑에 사용자 오류라고 표시 되게 되며 엑셀 파일을 수정해야 합니다 => 수정 후 다시 소프트웨어에 파일을 가지고 오십시오.

Bước 2: Khai báo nguyên vật liệu, thành phẩm. Có 2 cách khai báo:

Step 2: Declare raw materials, finished products. There are 2 ways to declare:

2단계: 원자재, 완제품 신고. 신고 방법에는 2가지가 있습니다.

Lưu ý: Khi khai báo thành phẩm chọn đối tượng tập hợp chi phí tương ứng cho từng mã thành phẩm.

Notice: When declare the finished product, choose the corresponding cost set for each finished product code

주의: 완제품 신고시 각 완제품 코드에 해당되는 원가대상을 선정합니다.

Cách 1: Vào trực tiếp menu B [Quản lý dữ liệu cơ bản] - L [Khai báo hàng tồn kho]

Way 1: Go directly to menu B [Basic data management] - L [Inventory management]

방법 1: 메뉴 B-L 물품관리에서 직접 입력

AMNOTE Ver.21.2.5 [2809 - TEST GIÁ THÀNH 2 (29)] Connect Server [[Original Server] 118.69.170.50] - Thông tư 200

Ngôn ngữ [A] Tập tin [B] Quản lý dữ liệu cơ bản [C] Quản lý nhật ký và sổ cái [D] Báo cáo tài chính [E] Quản lý thuế VAT [F] Quản lý tài sản cố định [G] Quản lý hàng tồn kho [H] Ngoại tệ

[B-L] Khai báo hàng tồn kho

Chỉnh sửa: Thêm vào(I), Sửa(E), Xóa(D)

Phần nhập bắt buộc

Đối tượng tập hợp chi: NÉM CAO SU NON
 Tên tài khoản: Nguyên vật liệu chính
 Mã nhóm vật tư: ?
 Mã hàng:
 Tên hàng(Tiếng Việt):
 Tên hàng(Tiếng Anh):
 Tên hàng(Tiếng Hàn):
 (Cổ phần) đơn vị tính: ?
 Đơn vị chuyển đổi

Nhập bổ sung

Tên kho: ?
 Tiêu chuẩn: ?
 Sức chứa tối đa:
 Tỷ giá: 0.00 FC trao đổi
 FC: 0.00
 Giá gốc: 0
 Diễn giải:
 Được sử dụng: ☒ Sử dụng ☐ Chưa sử dụng
 Nơi sản xuất:

Cách 2: Thêm nhiều mã nguyên vật liệu, thành phẩm tại menu A [Tập tin] – A [Tải]

Way 2: Add several codes of raw material and finished products in menu A [File] - A [Import]

방법 2 : [A-A] 가져오기 메뉴에서 원자재 및 완제품 코드 추가

- Vào menu [A-A] Tải: Tích chọn vào ô [B-L] Khai báo hàng tồn kho => Thao tác xuất file và insert thêm dòng để nhập liệu tương tự như ở Bước 1 – Cách 2.

Go to menu [A-A] Download: Check the box [B-L] Inventory Managerment => Export file and insert more lines to input data which is similar to Step 1 - Method 2.

[A-A] 가져오기 : B-L 물품관리 체크박스에 체크하여 파일을 추출합니다. => 파일 추출 후 1단계 - 방법2와 유사한 방식으로 입력합니다. 추가 행을 삽입하고 데이터를 입력하세요.

Khai báo hàng tồn kho_Export_20201019 [Compatibility Mode] - Microsoft Excel

A	B	C	D	E	F
Đối tượng tập hợp chi phí	Loại sản phẩm	Tên nhóm vật tư	Mã hàng	Tên hàng(Tiếng Việt)	Tên hàng(Tiếng Anh)
16-174-11	1521	00001	MCS01	MIẾNG CAO SU 01	
16-174-11	1521	00001	MCS02	MIẾNG CAO SU 02	
16-174-11	1521	00001	MCS04	MIẾNG CAO SU 04	
16-174-11	1521	00001	MCS05	MIẾNG CAO SU 05	
Đối tượng tập hợp chi phí: Giải thích tài dữ liệu	Loại sản phẩm: Giải thích tài dữ liệu	Tên nhóm vật tư: Giải thích tài dữ liệu	Mã hàng: Giải thích tài dữ liệu	Tên hàng(Tiếng Việt): Giải thích tài dữ liệu	Tên hàng(Tiếng Anh): Giải thích tài dữ liệu
29-174-29 (001TEST)	111 (Tiền mặt)	00001 (NGUYÊN VẬT LIỆU)			
29-174-30 (002TEST)	1111 (Tiền Việt Nam)	00002 (THÀNH PHẨM)			
2-174-20 (1)	1112 (Ngoại tệ)				
9 (Bán hàng)	1113 (Vàng tiền tệ)				
20-174-26 (Cuong)	112 (Tiền gửi ngân hàng)				
20-174-32 (Cuong 1)	1121 (Tiền Việt Nam)				
6 (Hành chánh)	1122 (Ngoại tệ)				
40-174-21 (HIENHOANG)	1123 (Vàng tiền tệ)				
10-174-5 (HUYNH THI NGOC MAI)	113 (Tiền đang chuyển)				
10-174-8 (HUYNH THI NGOC MAI 1)	1131 (Tiền Việt Nam)				
10-174-9 (HUYNH THI NGOC MAI 2)	1132 (Ngoại tệ)				
4 (Kế toán)	121 (Chứng khoán kinh doanh)				
7 (Kỹ sư)	1211 (Cổ phiếu)				
10 (Mua hàng)	1212 (Trái phiếu)				
16-174-10 (NÉM CAO SU)	1218 (Chứng khoán và công cụ tài chính khác)				
16-174-11 (NÉM CAO SU NON)	128 (Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn)				

- Tiến hành import vào phần mềm. Người dùng tích chọn vào ô **[B-L] Khai báo hàng tồn kho** => Nhấn “**Chọn file**” để tải file lên => Nhấn “**Tải dữ liệu**” tương tự như hình minh họa phía trên Bước 1.

Import into the software. User tick the box [B-L] Declare inventory => Click "Select file" to upload files => Click "Upload data" similar to the illustration at Step 1.

입력 완료 후 프로그램으로 해당 엑셀 파일을 다시 불러옵니다. 가져오기에서 [B-L] 물품관리 체크박스에 체크 후 해당 파일을 불러옵니다.

- Sau khi hoàn thành, người dùng vào menu **B [Quản lý dữ liệu cơ bản] - L [Khai báo hàng tồn kho]** để kiểm tra lại.

After completing, user go to menu B [Basic data management] - L [Inventory managerment] to check again.

완료 후 사용자는 [B-L]물품관리로 이동하여 데이터 입력상태를 다시 확인합니다.

Bước 3: Khai báo định mức nguyên vật liệu cho thành phẩm. Có 2 cách khai báo:

Step 3: Declare the norm of raw materials for the finished product. There are 2 ways to declare:

3단계: 완제품의 원자재 기준을 신고하십시오. 신고방법은 두가지가 있습니다.

Cách 1: Vào trực tiếp menu **B [Quản lý dữ liệu cơ bản] - L [Khai báo hàng tồn kho]**

Way 1: Go directly to menu B [Basic data management] - L [Inventory managerment]

방법1: 메뉴[B-L] 물품관리에서 직접 입력하세요.

Mã nguyên vật liệu	Tên nguyên vật liệu	Số lượng	Đơn vị tính
MCS01	MIẾNG CAO SU 01	12.00	Kg
MCS02	MIẾNG CAO SU 02	30.00	Kg
MCS04	MIẾNG CAO SU 04	20.00	Kg
MCS05	MIẾNG CAO SU 05	50.000.00	Kg

- Chọn thành phẩm muốn setup định mức => Ở cửa sổ “**Định mức NVL cho thành phẩm**” tiến hành chọn NVL bằng cách bấm nút dấu “+” để khai báo thêm mức NVL. Khi bấm vào dấu “+” => Phần mềm sẽ mở ra cửa sổ **[B-L] Khai báo hàng tồn kho**.

Select the finished product you want to set up norm => At the window "materials norm for finished product", select raw material by clicking the sign "+" to declare more raw material level. When you click on the sign "+" => The software will open a window [B-L] Inventory management.

기준을 설정하료는 완제품을 선택하세요 => “완제품에 대한 자재 출고 할당량” 창에서 “+” 기호를 클릭하여 해당되는 원자재를 선택하세요. => “+”버튼을 클릭하면 “B-L 물품관리” 창을 다시 불러옵니다.

+ Người dùng tiến hành chọn NVL bằng cách tích chọn vào ô trống phía trước => Bấm nút “**Chọn**” (có thể tích chọn một lúc nhiều NVL) => Phần mềm sẽ hiện các NVL được chọn lên cửa sổ “**Định mức NVL cho thành phẩm**” => Người dùng sẽ tiến hành điền định mức xuất NVL vào và kiểm tra lại => Sau đó bấm nút “**SỬA**” để lưu.

User select materials by ticking the box in front => Click "Select" (can select multiple materials at once) => The software will display selected materials on the window "materials norm for the finished product" => User will input raw material export norm and check again => Then click " **EDIT "button to save.**

사용자는 컬럼 맨 앞의 체크박스를 체크하여 원자재를 선택할 수 있습니다. => 한번에 여러 원자재를 선택할 수 있습니다. => 선택된 원자재는 완제품에 대한 자재 출고 할당량 창에 등록되게 됩니다. => 사용자는 원자재 수출 규범을 입력하고 다시 확인합니다 => 그런 다음 “수정” 버튼을 클릭하여 저장합니다.

- Ngoài ra, nếu khai báo dư thì có thể loại bỏ NVL đó bằng cách chọn dòng NVL muốn bỏ >> Ấn nút dấu “-” => Sau đó bấm nút “**SỬA**” để lưu lại.

In addition, if over-declaring, you can remove the materials by selecting the materials line you want to remove >> Click “-” => Then click “**EDIT**” to save.

실수로, 해당되지 않는 원자재를 신고한 경우 제고하고자 하는 원자재를 선택하여 제거 할 수도 있습니다 >> “-” 버튼을 클릭하여 제거합니다. => 그런다음 “수정”버튼을 클릭하여 저장하십시오.

Cách 2: Thêm nhiều định mức xuất nguyên vật liệu cho nhiều thành phẩm tại menu **A [Tập tin] – A [Tải]**

Way 2: Add multiple material export norms for multiple finished products at menu **A [File] - A [Import]**

방법2: 메뉴 [A-A] 가져오기에서 여러 완제품에 대한 원자재 출량 기준 추가가 가능합니다.

- Vào menu **[A-A] Tải**: Tích chọn vào ô **[B-L] Định mức xuất Nguyên Vật Liệu** => Thao tác xuất file và insert thêm dòng để nhập liệu tương tự như ở Bước 1 – Cách 1.

Go to menu [A-A] Import: Check the box [B-L] Materials export norms => Export file and insert more lines to input data similar to Step 1 - Method 1.

메뉴 [A-A]가져오기로 이동하십시오 : [B-L]자재 수출 규정 파일을 선택하세요 => 파일을 내보내고 1단계-방법1처럼 데이터를 입력하십시오.

	A	B	C
1	Mã thành phẩm	Mã Nguyên Vật Liệu	Số lượng
2	NEMCSN	MCS01	12
3	NEMCSN	MCS02	30
4	NEMCSN	MCS04	20
5	NEMCSN	MCS05	50
6			
7	Mã thành phẩm: Giải thích tài dữ liệu	Mã Nguyên Vật Liệu: Giải thích tài dữ liệu	Số lượng: Giải thích tài dữ liệu
8	DC67-00560A (Thiết bị cân bằng tải trọng)	DC67-00649A-HH (DC67-00649A-HH)	
9	DC67-00649A (Thiết bị cân bằng tải trọng)	DC67-00839A HH (DC67-00839A HH)	
10	DC67-00749A (Thiết bị cân bằng tải trọng)	Tay cầm - handle (Tay cầm - handle)	

- Tiến hành import vào phần mềm. Người dùng tích chọn vào ô **[B-L] Định mức xuất Nguyên Vật Liệu** => Nhấn **“Chọn file”** để tải file lên => Nhấn **“Tải dữ liệu”** tương tự như hình minh họa phía trên Bước 1.

Import into the software. User tick the box [B-L] Materials export norms => Click "Browse" to upload file => Click "Import" similar to the illustration above Step 1.

소프트웨어로 파일을 가져옵니다. 사용자는 [B-L]자재 수출 규정 파일을 선택하세요. => 파일을 업로드하려면 “찾아보기”를 클릭합니다 => 파일을 알맞게 선택한 후 “가져오기”를 클릭하여 업로드합니다.

- Sau khi hoàn thành, người dùng vào menu **[B-L] Khai báo hàng tồn kho** để kiểm tra lại.

After completing, users go to menu [B-L] Inventory management to check again.

완료 이후, 사용자는 물품 관리에서 내용반영 여부를 확인 할 수 있습니다.

Bước 4: Xuất kho Nguyên Vật Liệu dùng cho sản xuất:

Step 4: Export raw materials used for production:

4단계 : 생산에 사용되는 원자재 출고 :

- Tạo phiếu xuất kho để xuất NVL cho thành phẩm: Vào menu **C [Quản lý nhật ký và sổ cái] - A [Chứng từ]** >> Hạch toán xuất kho => Nhấp vào tab **“Hàng tồn kho”**.

Create inventory bill to export raw materials for finished products: Go to menu C [Journal entry and ledger management] - A [Voucher] >> Export accounting => Click on the tab “Inventory assets”.

완제품에 대한 원자재 출고를 위한 전표를 작성합니다 : 메뉴 C-A로 이동하세요 >> 전표 정보에서 “재고자산 관리”를 클릭하세요.

Tên khách hàng	Đối tượng tập hợp chi phí	Đối tượng tập hợp chi phí 2	Nợ	Có	Số tiền	FC Số tiền	Thuế VAT	Hàng tồn kho	Tài sản cố định/Chi phí trả trước	Số hợp đồng
CÔNG TY ABC	VILLAI		6211	1321	1,355,000		0.0%	Hàng tồn kho	Tài sản cố định/Chi phí trả trước	

+ Trong tab Hàng tồn kho, chọn nút **“Xuất NVL”** hoặc nhấn **Alt + Enter** để khai báo số lượng NVL xuất kho cho thành phẩm.

In the tab Inventory, select "Export materials " or press Alt + Enter to declare the quantity of raw materials stocked for finished products.

재고자산 관리 탭에서 “자재출고”를 선택하거나 “Alt+ Enter”키를 눌러 완제품에 대한 원자재 재고 수량을 신고합니다.

The screenshot shows a software interface for creating a 'Phiếu khác' (Voucher). The form is titled 'Xuất kho nguyên vật liệu sản xuất' (Raw material issue for production). It includes fields for 'Loại chứng từ' (Voucher type), 'Tại ngày' (Date), 'Số chứng từ' (Voucher number), and 'Họ và tên người nhận tiền' (Name of the person receiving the money). A table below the form shows the voucher details with columns for 'Tên khách hàng' (Customer name), 'Đối tượng tập hợp chi phí' (Cost accumulation object), 'Nợ' (Debit), 'Có' (Credit), 'Số tiền' (Amount), 'FC Số tiền' (FC Amount), 'Thuế VAT' (VAT), 'Hàng tồn kho' (Inventory), and 'Tài sản cố định Chi phí trả trước' (Fixed asset Prepaid expense). The 'Xuất NVL(Alt+Enter)' button is highlighted with a red box.

+ Tiếp đó tiến hành chọn mã thành phẩm, và nhập số lượng thành phẩm cần sản xuất

Then select the finished product code, and enter the quantity of finished products to be produced

그런 다음 완제품 코드를 선택하고 생산될 완제품 수량을 입력하세요

=> Phần mềm sẽ tự động tính ra số lượng NVL xuất kho tương ứng với số lượng thành phẩm cần sản xuất theo định mức đã được thiết lập ở bước 3 => Bấm nút “***Xác nhận***” để lưu lại.

The software will automatically calculate the quantity of exported raw materials corresponding to the quantity of finished products to be produced according to the norm set in step 3 => Click "Confirm" to save.

소프트웨어는 3단계에서 설정한 기준에 따라 생산될 완제품 수량에 해당하는 원자재 수량을 자동으로 계산합니다. 저장하려면 확인 버튼을 누르십시오.

Chọn thành phẩm

Mã thành phẩm	Tên thành phẩm	Số lượng	Đơn vị tính
> NEMCSN	NEM CAO SU NON	10.00	Tấm

Số dòng = 1 10.00

Định mức xuất NVL cho thành phẩm

Mã nguyên vật liệu	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng NVL/1 đơn vị SP	Số lượng
> MCS01	MCS01	Kg	12.00	120.00
MCS02	MCS02	Kg	30.00	300.00
MCS04	MCS04	Kg	20.00	200.00
MCS05	MCS05	Kg	50.00	500.00

Số dòng = 4 112.00 1,120.00

Xuất file mẫu Tải file Xác nhận (S) Hủy (Q)

- Sau khi chọn xuất nguyên vật liệu cho thành phẩm xong => Kiểm tra lại và nhấn nút **“LƯU”** để lưu lại dữ liệu.

*After selecting export raw materials for finished products => Check again and click **“SAVE”** to save the data.*

완제품에 대한 출고 원자재 선택 => 다시 확인 이후 “저장”을 클릭하여 데이터를 저장하세요.

Hàng tồn kho

Tổng số tiền đã bao gồm chi phí: 3,308,000
 Tổng số tiền sản phẩm: 3,308,000
 Chi phí khác: 0

Ngày phát hành: 09/09/2020 09:33:29
☒ Tự động nhập địa chỉ

☐ Hiện ngoại tệ

Phân bổ chi phí mua hàng

Xuất NVL(Alt+Enter) **Lưu(S)** Hủy phân bổ

Chỉnh sửa	Mã kho	Tên kho	Mã sản phẩm	Tên hàng	Đơn vị tính	Mã thành phẩm	Định mức	Số lượng	Đơn giá	Giá trị	Giá trung bình của tháng này	Ghi chú
Xuất dữ liệu	NVL	NGUYÊN VẬT LIỆU	MCS01	MIẾNG CAO SU 01	Kg	NEMCSN	24.00	24.00	22,000	528,000	0	
Tải dữ liệu	NVL	NGUYÊN VẬT LIỆU	MCS02	MIẾNG CAO SU 02	Kg	NEMCSN	60.00	60.00	25,000	1,500,000	0	
Xóa(D)	NVL	NGUYÊN VẬT LIỆU	MCS04	MIẾNG CAO SU 04	Kg	NEMCSN	40.00	40.00	32,000	1,280,000	0	
	NVL	NGUYÊN VẬT LIỆU	MCS05	MIẾNG CAO SU 05	Kg	NEMCSN	100.00	100.00	0	0	0	

4 224.00 3,308,000

Bước 5: Hạch toán các chi phí phát sinh trong kỳ như 621, 622, 627,...

Step 5: Accounting for expenses incurred within the period such as 621, 622, 627, ...

5단계: 계정코드 621,622,627 등 기간 내에 발생한 비용을 회계처리합니다.

Bước 6: Nhập kho thành phẩm sản xuất:

Step 6: Input stock of finished products:

6단계: 완제품 재고입력:

- Hạch toán chứng từ nhập kho thành phẩm sản xuất: Vào menu **[C-A] Chứng từ** để tạo phiếu khác - nhập kho thành phẩm => Sau khi hạch toán nhập vào tab **"Hàng tồn kho"** để khai báo số lượng thành phẩm nhập kho.

Accounting voucher of finished manufactured products: Go to menu [CA] Voucher to create another item - import finished products => After accounting, go to tab "Inventory assets" to declare the quantity of finished products to stock.

완제품 회계 처리 : 메뉴 [C-A]로 이동하여 입고 완제품 항목에 대한 전표를 생성하여 회계 처리하십시오. => 이후 "재고자산" 탭으로 이동하여 완제품 재고 수량을 신고합니다.

Phiếu khác

Loại chứng từ: Phiếu khác
 Tại ngày: 18/09/2020
 Tên danh mục: Loại chứng từ

Thẩm loại chứng từ: TP09-001
 Số chứng từ: TP09-001
 Họ và tên người nhận tiền (người nộp tiền): CÔNG TY TNHH NTABC
 Đơn vị chứng từ (T):

Mô tả 1: NHẬP KHO THÀNH PHẨM
 Việt

Thu tiền khách hàng: Thanh toán chứng từ: Tài chứng từ mẫu (Ctrl+Enter)

Sửa đổi(Ctrl) Lưu(S) Xóa(D) In(P)

Lưu chứng từ mẫu

Tên khách hàng	Đối tượng tập hợp chi phí	Đối tượng tập hợp chi phí 2	Nợ	Có	Số tiền	FC Số tiền	Thuế VAT	Hàng tồn kho	Tài sản cố định	Chi phí trả trước	Số hợp đồng
CÔNG TY TNHH NTABC	Tài ca		151	154	0	0.00	Thuế GTGT	Hàng tồn kho	Tài sản cố định	Chi phí trả trước	

Hàng tồn kho

Tổng số tiền đã bao gồm chi phí: 0
 Tổng số tiền sản phẩm: 0
 Chi phí khác: 0

Ngày phát hành: 18/09/2020 15:23:46
 Thuế nhập khẩu: 0

☐ Hiện ngoại tệ

Phân bổ chi phí mua hàng

Lưu(S) Hủy phân bổ

Chỉnh sửa	Mã kho	Tên kho	Mã sản phẩm	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Giá trị	Thuế nhập khẩu	Thuế khác	Ghi chú	Tiền phân bổ
Xuất dữ liệu	TP	THÀNH PHẨM	NEMCSN	NEM CAO SU NON	Tam	3.00	0	0	0	0		0

Tải dữ liệu Xóa(D)

Lưu ý: Giá thành của thành phẩm sẽ được phần mềm tự động tính và cập nhật lên phiếu hạch toán sau khi thực hiện xong bước tính giá thành.

Notice: *The price of the finished product will be automatically calculated by the software and updated on the accounting sheet after the price calculation step is completed.*

주의: 완제품의 가격은 자동으로 계산되고 회계 시트에 업데이트될 것입니다.

Sau khi hoàn thành xong việc hạch toán dữ liệu => Người dùng tiến hành các bước tiếp theo để tính giá thành.

After completing the data accounting => The user proceed next steps to calculate the cost.

데이터 회계처리 완료 후 => 사용자는 다음의 단계를 진행하여 비용을 산정합니다.

Bước 7: Khóa sổ bước 1 – Phương pháp khóa sổ trình tự

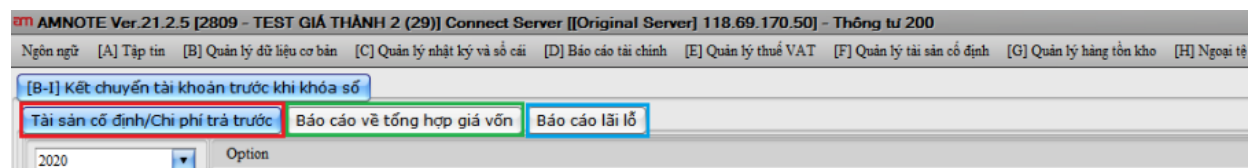
Step 7: Closing book of step 1 - Closing book method

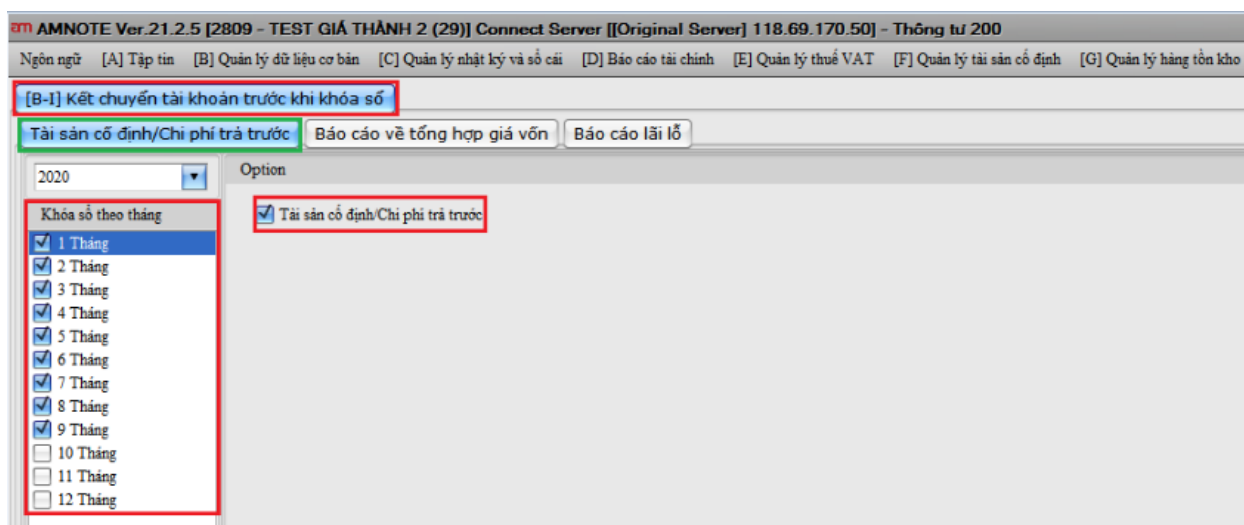
7단계: 1단계 마감 – 장부 결산 방법

Khóa sổ theo trình tự bao gồm 3 tab riêng biệt: TSCĐ/CPTT; Báo cáo tổng hợp giá vốn; Báo cáo lãi lỗ. Để tính giá thành thì người dùng phải setup khóa sổ theo trình tự menu **B [Quản lý dữ liệu cơ bản] - I [Kết chuyển tài khoản trước khi khóa sổ]** như hình bên dưới:

Closing the book in sequence including 3 separate tabs: fixed assets / CPTT; General cost price report; Profit and loss report. To calculate the cost, user must set up the closing in sequence of menu B [Basic data management] - I [Account brought forward after closing] as shown below:

3개의 별도 탭을 포함하여 순차적으로 장부를 마감합니다: 유형자산 / 선급금 비용처리 대체분개, 매출원가 결산 대체분개, 손익 결산 대체분개. 아래 그림과 같이 메뉴 [B-I]마감 후 이월의 순서대로 마감을 설정해야 합니다.





Bước 8: Tiến hành phân bổ chi phí để tính giá thành tại menu G [Quản lý hàng tồn kho] – K [Tính giá thành sản phẩm]

Step 8: Allocate costs to calculate the cost in menu G [Inventory management] - K [Calculating the price of product]

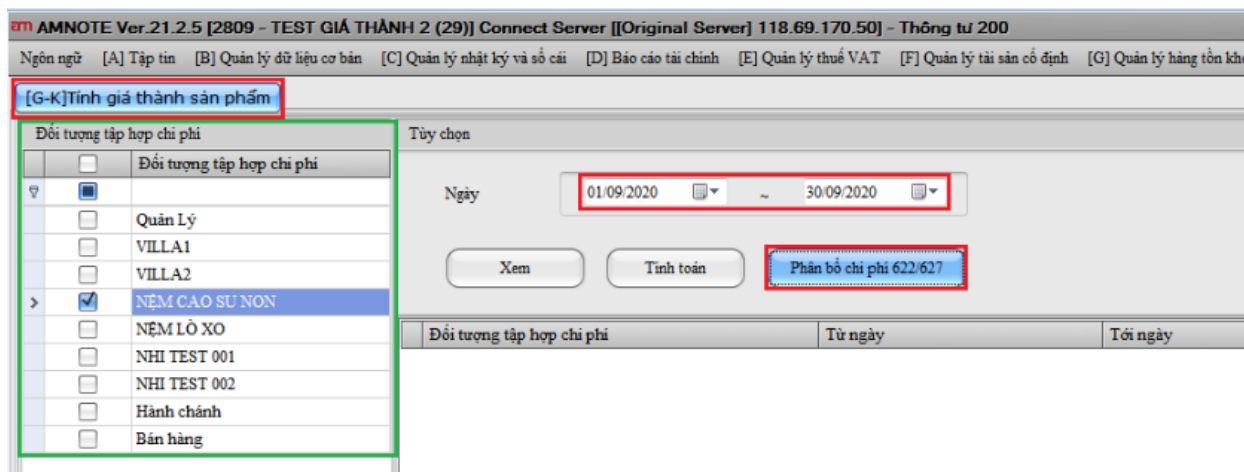
8단계: 메뉴 [G-K]상품가격계산 모듈의 계산을 위한 비용 할당 진행

❖ **Phân bổ chi phí 622, 627/ Allocation of Cost 622, 627/** 비용 할당 622/627:

- Vào menu [G-K] **Tính giá thành sản phẩm**, người dùng chọn khoảng thời gian, đối tượng cần phân bổ chi phí để tính giá thành => Kích vào nút “**Phân bổ chi phí 622, 627**”.

Go to the menu [G-K] Calculating the price of product, user chooses the period and the object to be allocated to calculate the cost => Click "Allocate costs 622, 627".

메뉴 [G-K]상품가격계산으로 이동합니다. 기간을 선택하고 비용을 계산하기 위해 할당할 개체를 선택해야 합니다 => “비용 할당 622/627”버튼을 클릭합니다.



- Tại cửa sổ “**Phân bổ chi phí**”: Chọn phân bổ theo NVL chính hay theo số lượng thành phẩm nhập kho (tùy theo cách thức phân bổ của người dùng) => Phần mềm sẽ tổng hợp, lên số liệu chi phí phân bổ và tự động tính chi phí phân bổ theo tiêu thức đã chọn

In the window "Allocating costs": Choose to allocate according to main raw materials or the number of finished products in stock (depending on the distribution method of the user) => The software will synthesize and figure the allocating costs and automatically calculate the cost of allocation according to the selected criteria

비용 할당 창: 주요 재료에 따른 분배 또는 입고된 완제품에 따라 분배. 두가지 기준법 중 선택하여 할당하도록 선택할 수 있습니다.(사용자의 분배 방법에 따라 다릅니다.). 소프트웨어는 할당 비용 데이터를 통합하고, 할당 비용을 선택한 기준에 따라 자동으로 계산합니다.

- Nếu có phát sinh cách khoản điều chỉnh giảm chi phí thì phần mềm tự động lấy số, người dùng kiểm tra nếu thay đổi thì tự điền tay số tiền vào trường điều chỉnh giảm

If there is a way to reduce the cost, the software automatically takes the number, the user checks if there is any change, then manually enter the amount in the reduction adjustment

비용을 절감할 수 있는 방법이 있을 경우 소프트웨어는 자동으로 계산하고, 사용자가 변경 사항이 있는지 확인한 후, 수동으로 절감 금액을 입력할 수도 있습니다.

- Sau khi hoàn thành tất cả thông tin người dùng kiểm tra số liệu đúng => Bấm “**LUU**” => “**ĐÓNG**”

After completing all the information, check the correct data => Click "SAVE" => "CLOSE"

입력 및 확인 완료 후 저장 버튼을 누르고 종료합니다.

Phân bổ chi phí

Phân bổ chi phí

☒ Phân bổ theo nguyên vật liệu chính ☐ Phân bổ theo thành phẩm nhập kho ☐ Chi tiết

Tổng hợp chi phí phân bổ

Tài khoản	Số phát sinh nợ	Điều chỉnh giảm	Chi phí phân bổ
> 622	140,500,000	11,200,000	129,300,000
6271	6,700,000	0	6,700,000
6274	25,000,000	0	25,000,000
6278	28,000,000	1,000,000	27,000,000

Phân bổ theo từng mã hàng

Chi phí của 621 theo từng mã hàng để phân bổ (N621/C152)	Mã sản phẩm	Tên hàng	Đối tượng tập hợp chi phí	Tiền phân bổ 6211	Tiền phân bổ 6212	Tiền phân bổ 622	Tiền phân bổ 627
> 113,527,422	NEMCSN	NEM CAO SU NON	NEM CAO SU NON	16,540,000	96,987,422	129,300,000	58,700,000

113,527,422 16,540,000 96,987,422 129,300,000 58,700,000

Export Tính lại Lưu Đóng

Lưu ý: Nếu có thay đổi số liệu thì quay lại [C-A] Chứng từ chỉnh sửa phiếu => Quay lại menu [G-K] Tính giá thành sản phẩm => Vào tab Phân bổ chi phí => Bấm “**Tính lại**” => Chọn “**OK**” => Kiểm tra đúng => Bấm “**LƯU**” lại. Sau đó nhấn “**ĐÓNG**”.

Notice: If there is any change, please go back to [CA] Voucher editing voucher => Go back to menu [GK] Calculating the price of product => Go to tab Allocating cost => Click "Recalculate" => Select "**OK**" => Check if correct => Click "**SAVE**" again. Then click "**CLOSE**".

주의: 변경사항 발생시, [C-A]에서 전표 내용 수정 후 [G-K]상품 가격 계산으로 다시 돌아옵니다 => 비용할당 창 생성 후 재계산을 클릭합니다 => 계산이 정확하면 저장 후 종료합니다.

Phân bổ chi phí

Phân bổ chi phí

☒ Phân bổ theo nguyên vật liệu chính ☐ Phân bổ theo thành phẩm nhập kho ☐ Chi tiết

Tổng hợp chi phí phân bổ

Tài khoản	Số phát sinh nợ	Điều chỉnh giảm	Chi phí phân bổ
> 622	140,500,000	11,200,000	129,300,000
6271	6,700,000	0	6,700,000
6274	25,000,000	0	25,000,000
6278	28,000,000	1,000,000	27,000,000

Phân bổ theo từng mã hàng

Chi phí của 621 theo từng mã hàng để phân bổ (N621/C152)	Mã sản phẩm	Tên hàng	Đối tượng tập hợp chi phí	Tiền phân bổ 622	Tiền phân bổ 627
> 113,527,422	NEMCSN	NẼM CAO SU NON	NẼM CAO SU NON	129,300,000	58,700,000

113,527,422 129,300,000 58,700,000

Export Tính lại Lưu Đóng

Bước 9: Tính toán giá thành thành phẩm tại menu G [Quản lý hàng tồn kho] – K [Tính giá thành sản phẩm]

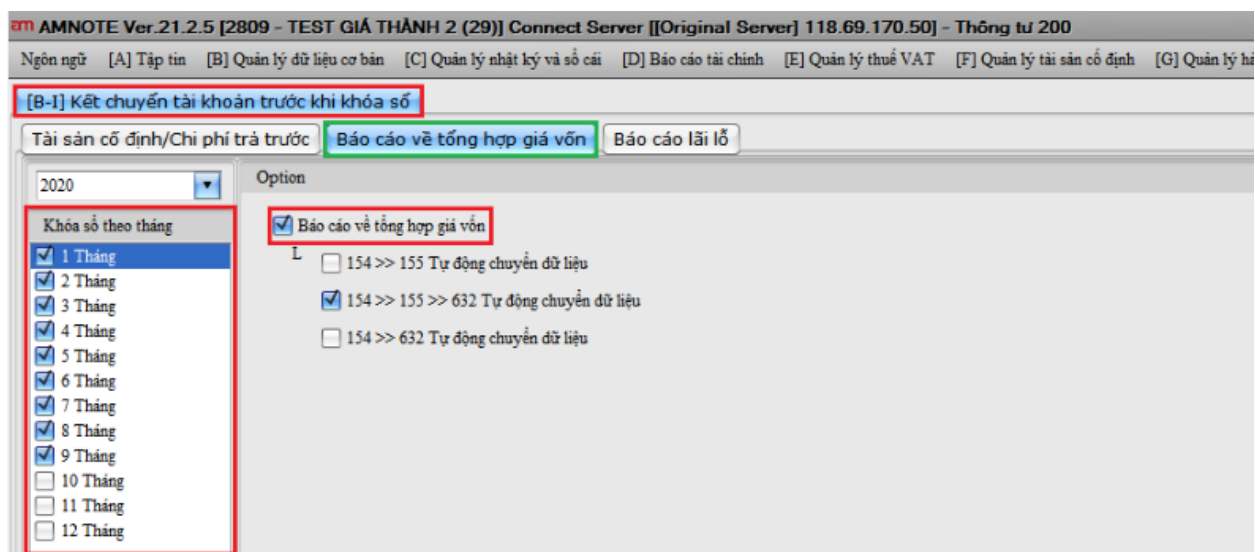
Step 9: Calculate the finished product cost in menu G [Inventory management] - K [Calculating the price of product]

9단계: [G-K]상품 가격 계산에서 완제품 가격을 계산합니다.

- Trước khi tính, tiếp tục thực hiện khóa sổ bước 2: Vào menu **[B-I] Kết chuyển tài khoản trước khi khóa sổ** => Vào tab **“Báo cáo về tổng hợp giá vốn”** => Tích chọn vào ô **“Báo cáo tổng hợp về giá vốn”** để phần mềm tự động kết chuyển các tài khoản chi phí => Chọn tháng cần khóa sổ => Bấm **“OK”** => Hoàn thành khóa sổ bước 2.

Before calculating, continue to close the book step 2: Go to menu [BI] Account brought forward before closing => Go to the tab "Report on total cost price" => Check the box "Total report cost price integration" for the software to automatically transfer the cost accounts => Select the month to close book => Click“ OK ”=> Complete the closing book step 2.

계산하기 전에, 2단계 마감을 해야 합니다: 메뉴 [B-I]마감 후 이월 페이지로 이동합니다 => 매출원가 결산 대체분개 창을 클릭하세요=> 비용 계정을 자동으로 이전하려면 매출원가 결산 대체분개 체크박스를 체크하세요=> 마감할 월을 선택합니다 => 확인을 클릭하면 2단계 마감이 완료됩니다.



Lưu ý: Sau khi khóa sổ Bước 2 sẽ không phân bổ lại chi phí 622, 627 được, nếu người dùng muốn tính lại chi phí phân bổ thì phải tiến hành mở sổ bước 2.

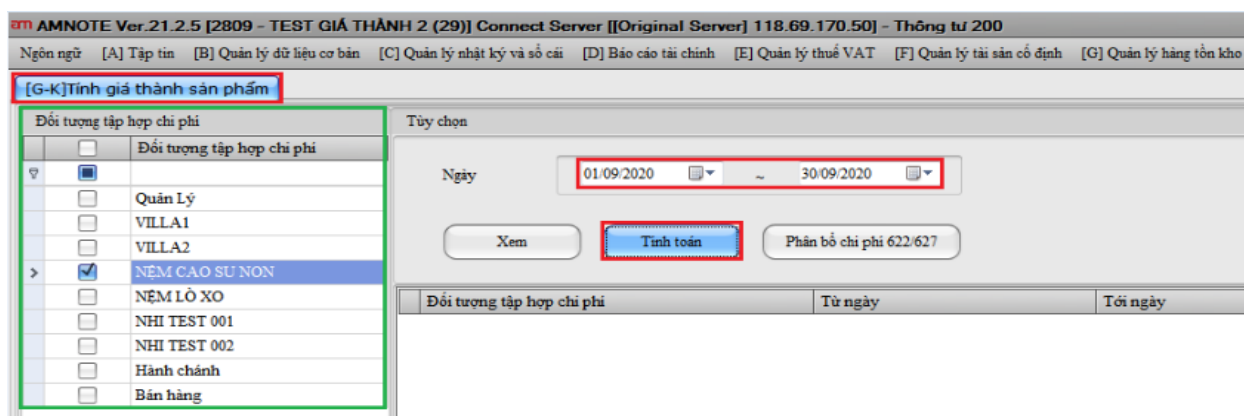
Notice: After closing book step 2, user will not be able to reallocate costs 622, 627, if the user wants to recalculate the allocation cost, they must open book step 2.

주의: 2단계 마감 완료 후에는 사용자는 622,627 비용을 재 할당 할 수 없으며, 비용 할당을 다시 계산하기 위해서는 2단계 마감을 해제해야 합니다.

- Vào menu [G-K] Tính giá thành sản phẩm, tại trường “Đối tượng tập hợp chi phí” chọn đối tượng chi phí tương ứng với thành phẩm muốn tính giá thành => Chọn khoảng thời gian cần tính => Ấn nút “**Tính toán**”

Go to the menu [GK] Calculating the cost of product, in the field "Expense object" select the cost object corresponding to the finished product you want to calculate the price => Select the time to be calculated => Press "Calculate"

메뉴 [G-K]상품 가격 계산으로 이동하여 왼쪽 원가 대상 리스트에서 가격을 계산할 완제품에 해당하는 원가대상을 선택합니다. 계산할 기간을 설정한 후 계산 버튼을 클릭합니다.



- Phần mềm sẽ hiển thị lên bảng tập hợp chi phí: sẽ hiển thị cửa sổ **Tính giá thành sản phẩm** => Sẽ có 2 cách tính dở dang cuối kỳ: theo % Hoàn thành và theo Số lượng dở dang (Người dùng sẽ chọn cách tính phù hợp với tình hình của từng công ty).

The software will display the cost summary sheet: will display the Product cost calculation window => There will be 2 work in progress at the end of the period: by % completed and by amount in progress (User will choose the calculation method according to the situation of company).

비용요약 시트 표시: 상품 가격 계산 창이 표시됩니다 => 기말 기간에는 재고별 완료비용과 진행중인 재고량 2가지 작업이 같이 진행됩니다.(사용자는 회사 상황에 따라 계산 방법을 선택하면 됩니다.)

Một số trường thông tin cho phép người dùng chỉnh sửa hoặc điền vào:

Some information fields allow user to edit or fill in:

일부 정보는 사용자가 편집하거나 입력할 수 있습니다:

- Mã sản phẩm: Tự phần mềm sẽ hiển thị theo đối tượng tính giá thành người dùng đã chọn.

Product code: The software itself will display according to the cost object selected by the user.

상품 코드: 사용자가 선택한 원가 대상에 따라 표시됩니다.

- Tên hàng: Tên tương ứng của mã hàng

Name of goods: The corresponding name of the product code

상품명 : 제품 코드의 해당되는 이름입니다.

- Số dư đầu kỳ 154: Nếu trước đó có số dư đầu kỳ của tài khoản 154 chưa được phần mềm cập nhật vào thì người dùng sẽ điền tay. Từ tháng sau phần mềm sẽ chuyển từ số dư cuối kỳ này sang đầu kỳ sau.

Opening balance 154: If the opening balance of account 154 has not been updated by the software, the user will enter it manually. From the following month onwards, the software will forward the closing balance of the current period to the opening balance of the following period.

기초잔액 154: 계정 154의 기초 잔액이 업데이트 되지 않은 경우 사용자가 수동으로 입력합니다.

- Giá trị 621: Phần mềm sẽ tự động lấy số liệu 621 đã phát sinh trong khoảng thời gian chọn tính giá thành.

Value 621: The software will automatically take data 621 generated during the period of choosing to calculate the cost.

계정 621: 비용 계산 선택 기간동안 생성된 계정621 데이터를 자동으로 가져옵니다.

- Giá trị 622: Phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu 622 từ tab Phân bổ chi phí 622, 627 ở bước 8 sang.

Value 622: The software will automatically update the data 622 from the tab of Allocation of expenses 622, 627 in step 8.

계정 622: 8단계의 비용할당 622,627 탭에서 622데이터를 자동으로 업데이트 합니다.

- Giá trị 627: Phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu 627 từ tab Phân bổ chi phí 622, 627 ở bước 8 sang.

Value 627: The software will automatically update data 627 from the tab of Cost Allocation 622, 627 in step 8.

계정627: 8단계의 비용할당 622,627 탭에서 627데이터를 자동으로 업데이트 합니다.

- Giá trị 154: Nếu trường hợp người dùng có một số phát sinh đưa thẳng vào tài khoản 154 thì người dùng tự điền tay vào trường này.

Value 154: In case user has number of arises which are taken straight into account 154, user will manually fill in this field.

계정 154: 계정154에 직접 입력을 원하는 경우 수동으로 입력할 수 있습니다.

- Tổng chi phí phát sinh trong kỳ: Sẽ được tính toán từ phát sinh các cột 621, 622, 627,...

Total costs incurred in the period: Will be calculated from the incurred columns 621, 622, 627, ...

해당 기간동안 발생한 총 비용: 계정 621,622,627,... 에서 계산됩니다.

- Hoàn thành (%): Người dùng sẽ điền tay % hoàn thành của sản phẩm.

Completion (%): User will manually enter the % completed of the product.

완료율(%): 사용자가 제품 완료율을 수동으로 입력합니다.

- Số lượng dở dang cuối kỳ: Trường hợp chọn cách tính dở dang theo phương pháp Số lượng dở dang cuối kỳ thì người dùng sẽ điền số lượng sản phẩm dở dang trong kỳ tính giá thành vào phần mềm sẽ tự động tính số liệu ở cột chi phí dở dang cuối kỳ 154.

In-progress quantity at the end of the period: In case the in-progress calculation method is selected according to the in-progress quantity at the end of the period, user will input the quantity of unfinished products in the price calculation period into the software and will automatically calculate the data at the in-progress expense column at the end of period 154.

재고별 – 기말 진행중인 재고량: 해당 기준을 사용하여 계산을 선택한 경우, 사용자는 가격 산정 기간의 미완성품 수량을 입력하고, 계산 기간이 끝날때 진행중인 재공품 비용 데이터를 자동으로 분개합니다.

- Chi phí dở dang cuối kỳ 154: Nếu % hoàn thành nhỏ hơn 100% phần mềm sẽ tự tính số liệu ở cột chi phí dở dang cuối kỳ 154.

Cost of in-progress expense at the end of period 154: If % completed is less than 100%, the software will calculate the data at the in-progress expense column at the end of period 154.

기간 말 진행중인 재공품 작업: 완료율이 100% 미만인 경우 진행중인 재공품 비용에서 데이터를 산출합니다.

- Tổng giá thành: Sẽ lấy tổng chi phí phát sinh trong kỳ - chi phí dở dang cuối kỳ.

Sau khi hoàn thành xong thông tin chọn nút “***Tiếp theo***”

Total cost: Will take the total costs incurred in the period - in-progress expense at the end of period. After completing the information, select "Next"

총비용: 진행중인 기간 종료 작업에 소요되는 총 비용입니다. 정보 입력 및 확인 완료 후 “다음”을 선택합니다.

Tính giá thành sản phẩm

☒ Theo Nguyên vật liệu chính - Hoàn thành (%) ☐ Theo nguyên vật liệu chính -Số lượng dở dang cuối kỳ

Thông tin

STT	Mã sản phẩm	Số dư đầu kỳ 154	Tên hàng	Giá trị 621	Giá trị 622	Giá trị 627	Giá trị 154	Tổng chi phí phát sinh trong kỳ	Hoàn thành (%)	Chi phí dở dang cuối kỳ (154)	Tổng
1	NEMCSN	0	NÉM CAO SÚ NON	174.665.576	90.424.052	41.050.981	0	306.140.609	80,00	34.933.115	
2	NEMLX	0	NÉM LỖ XO	75.093.845	38.875.948	17.649.019	0	131.618.812	90,00	7.509.385	

0 249.759.421 129.300.000 58.700.000 0 437.759.421 42.442.500 ...

- Sau khi bấm **“Tiếp theo”** => Phần mềm sẽ tính ra giá thành sản phẩm => Người dùng kiểm tra lại => Bấm **“Cập nhật giá nhập kho thành phẩm”** để giá thành tự cập nhật vào phiếu nhập kho 155 đã tạo trước đó ở bước 6 => Bấm **“Hoàn Tất”**

After clicking "Next" => The software will calculate the product cost => User checks again => Click "Update the finished product price" so that the price will automatically update to the in-stock voucher 155 which is created earlier in step 6 => Click "Finish"

“다음”을 클릭하면 => 소프트웨어가 제품 비용을 계산합니다 => 계산이 맞는지 확인 후 “완제품 가격 업데이트”를 클릭하면 이전 6단계에서 생성된 155재고전표로 가격이 자동으로 분개됩니다. => 완료버튼을 클릭하세요

Tính giá thành sản phẩm

☒ Theo Nguyên vật liệu chính - Hoàn thành (%) ☐ Theo nguyên vật liệu chính -Số lượng dở dang cuối kỳ

Chi phí dở dang:

Hàng tồn kho

Đối tượng tập hợp chi phí	Mã sản phẩm	Tên hàng	Số lượng thành phẩm	Đơn giá	Giá trị
> NÊM CAO SU NON	NEMCSN	NÊM CAO SU NON	80,00	3.390.093,67	271.207.494
NÊM LỖ XO	NEMLX	NÊM LỖ XO	90,00	1.378.993,64	124.109.428

395.316.921

- Nếu muốn tính toán lại giá thành của sản phẩm thì bấm “**Tính lại**”

If you want to recalculate the cost of the product, click "Recalculate"

비용을 재계산하려면 “재계산”을 클릭하세요

Tính giá thành sản phẩm

☒ Theo Nguyên vật liệu chính - Hoàn thành (%) ☐ Theo nguyên vật liệu chính -Số lượng dở dang cuối kỳ

Chi phí dở dang:

Thông tin

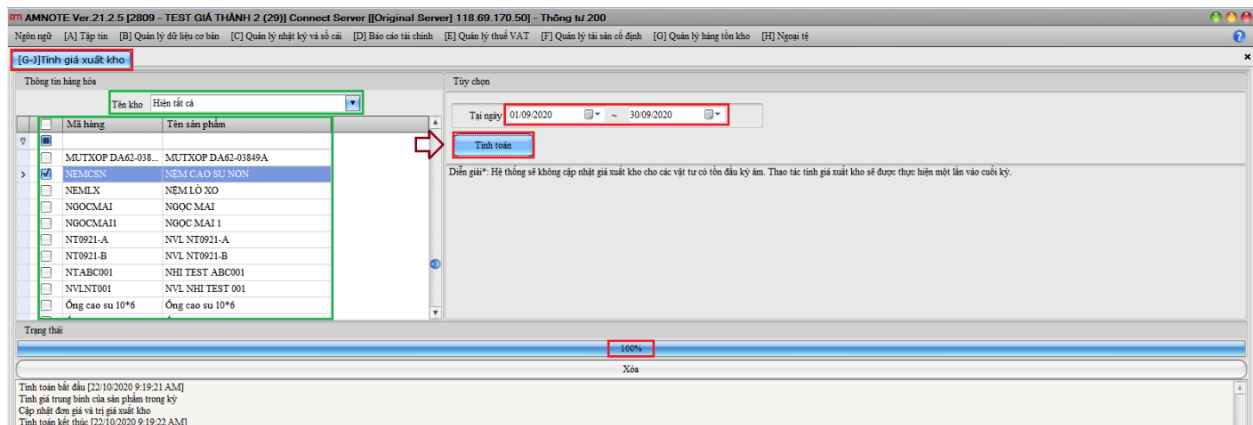
STT	Mã sản phẩm	Số dư đầu kỳ 154	Tên hàng	Giá trị 621	Giá trị 622	Giá trị 627	Giá trị 154	Tổng chi phí phát sinh trong kỳ	Hoàn thành (%)	Chi phí dở dang cuối kỳ (154)	Tồn
1	NEMCSN	0	NÊM CAO SU NON	174.665.576	90.424.052	41.050.981	0	306.140.609	80,00	34.933.115	
2	NEMLX	0	NÊM LỖ XO	75.093.845	38.875.948	17.649.019	0	131.618.812	90,00	7.509.385	

0 249.759.421 129.300.000 58.700.000 0 437.759.421 42.442.500 ...

Lưu ý: Khi có phát sinh xuất kho Thành phẩm mà Tính toán lại thì vào menu [G-J] **Tính giá xuất kho** => Chọn đầy đủ thông tin: Tên kho, mã hàng, chọn khoảng thời gian cần Tính lại => Bấm “**Tính toán**” để phần mềm tính toán lại giá xuất => Thanh “**Trạng thái**” hiển thị 100% => Cập nhật giá thành công.

Notice: When there out-stock finished products arises that recalculate, go to menu [GJ] Calculate out-of-stock price => Fully select information: Stock name, product code, choose time to recalculate => Click " Calculate" for the software to recalculate the output price => If "Status" bar displays 100% => Successful update price.

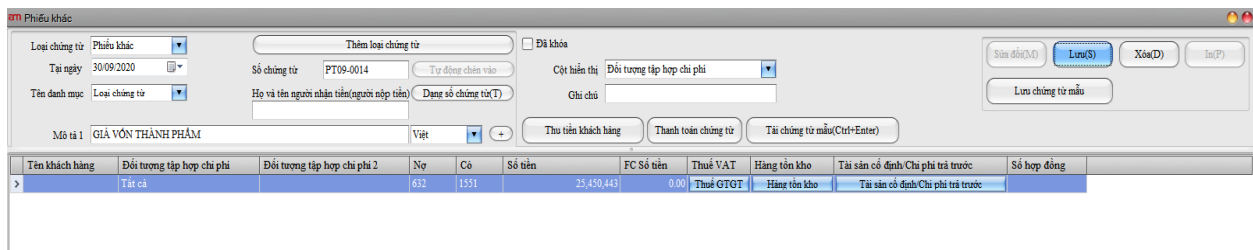
주의: 출고 완제품을 재계산 하려면 위해 메뉴 [G-J]재고자산(최종평균법)페이지로 이동하십시오. => 물품코드명, 물품명, 재계산 기간 등을 선택할 수 있습니다. => 옵션 선택 후 “계산”버튼을 클릭하여 출고 가격을 다시 계산할 수 있습니다.=> 상태바가 100%로 표시된 이후 성공적으로 출고가격이 재계산되어집니다.



Bước 10: Người dùng hạch toán xuất kho bán Thành phẩm => Phần mềm tự tính giá vốn => Tự động nhảy bút toán Giá vốn để hạch toán.

Step 10: User accounts for selling finished products => The software automatically calculates the cost price => Automatically jumps cost price entry to account.

10단계: 사용자는 판매 완제품을 다시 회계처리합니다. => 자동으로 업데이트된 원가 계산이 적용되어 계산됩니다.



Bước 11: Khóa sổ bước 3 – Phương pháp khóa sổ trình tự

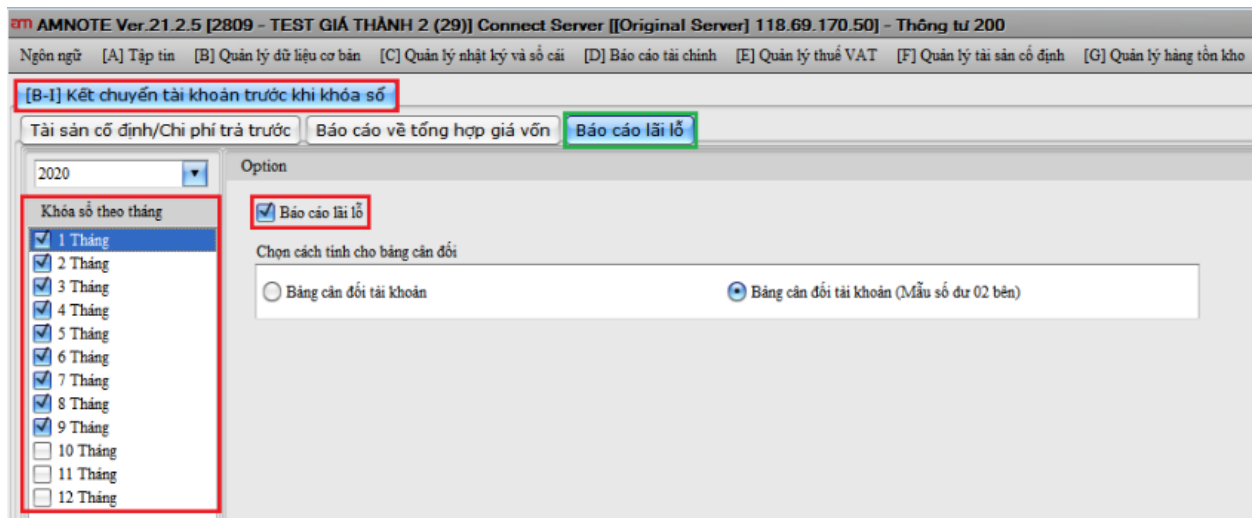
Step 11: Closing book step 3 - Closing sequence method

11단계: 3단계마감 – 손익결산 대체분개

- Sau khi hoàn tất các bước tính toán giá của thành phẩm, người dùng vào menu **[B-I]** **Kết chuyển tài khoản trước khi khóa sổ** tiến hành khóa sổ bước 3 => Vào tab “**Báo cáo lãi lỗ**” => Tích chọn vào ô “**Báo cáo lãi lỗ**” để phần mềm tự động kết chuyển tài khoản doanh thu => Chọn tháng cần khóa sổ => Bấm “**OK**” => Hoàn thành khóa sổ bước cuối.

After completing the price calculation of finished products, user go to menu [B-I] Transfer account before closing the book, proceed closing book step 3 => Go to tab "Profit and loss report" => Check box "Profit and loss report" for the software to automatically transfer revenue accounts => Select the month to close book => Click "OK" => Finish the final closing step.

완제품 가격선정 완료 이후 메뉴[B-I]마감후 이월로 이동하여 3단계 마감을 진행합니다. => “손익 결산 대체분개” 탭을 클릭 후 수익 계정을 자동으로 이전하기 위해 “손익 결산 대체분개” 체크박스를 체크하세요 => 마감할 월을 선택합니다 => 확인을 클릭하면 3단계 마감이 완료됩니다.



Lưu ý: Sau khi hoàn tất xong bước 3 khóa sổ thì sẽ không Tính lại giá thành được. Trường hợp người dùng muốn tính lại thì phải tiến hành mở sổ lại.

Notice: *After completing closing step 3, the price will not be recalculated. If the user wants to recalculate, they must open book again.*

주의: 3단계 마감이 끝나면 상품 가격은 다시 계산되지 않습니다. 만약 사용자가 재계산을 원하면 마감을 해제해야합니다.

✚ Nếu thực hiện theo hướng dẫn trên nhưng thao tác không được, vui lòng liên hệ số **082 999 7070** hoặc **028 6656 4400** để được hỗ trợ.

✚ ***If following the above instructions but the operation does not work, please contact 082 999 7070 or 028 6656 4400 for assistance..***

✚ 오류 혹은 추가 문의 발생시 082 999 7070 혹은 028 6656 4400 Amnote 지원팀으로 연락하시길 바랍니다.

~~~~~ **CHÚC BẠN THÀNH CÔNG** ~~~~~  
~~~~~ **GOOD LUCK** ~~~~~